

Bản án số: 260/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Tiến

2. Ông Đỗ Tiên Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mộng T, sinh năm 1971; CCCD số: 048171000020 cấp ngày 26/12/2021.

Nơi cư trú: 83/26 C, phường B (trước đây là Phường Y, quận U), Thành phố Hồ Chí Minh (*Bà T có mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1970, CCCD số: 048070000034, cấp ngày 12/11/2021.

Nơi cư trú: 83/26 C, phường B (trước đây là Phường Y, quận U), Thành phố Hồ Chí Minh (*Ông H có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Võ Thị Mộng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn H kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59/P11 ngày 23/11/1994 tại UBND quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do những bất đồng trong cuộc sống gia đình, trưởng khu phố phải đến can thiệp, hòa giải. Năm 2019, bà nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, mâu thuẫn vẫn xảy ra, ông H thường xuyên gây chuyện, cãi vã nhau. Hai năm nay bà và ông H không còn quan hệ vợ chồng nữa. Cách đây một tháng, sau khi bà nộp đơn ly hôn thì ông H đánh bà vào lúc nửa đêm, bà phải chạy đến nhờ Công an phường can thiệp. Công an có đến nhà lập biên bản và ông H thừa nhận có đánh bà. Ngay hôm sau, bà phải dọn ra khỏi nhà, cả hai sống ly thân từ đó tới nay. Ngoài ra, ông H lén lắp định vị vào xe máy của bà, bà đi đến đâu thì sau đó ông H đến gây chuyện với nhà mà bà đến. Ông H còn hay đến chỗ bà phụ bán quán ghen tuông, cho rằng bà đi với người đàn ông khác. Hiện nay bà thấy không còn tình cảm, không còn sự tôn trọng lẫn nhau nữa nên không cần thêm thời gian suy nghĩ, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 3/6/1992 và Nguyễn Thị Lan T2, sinh ngày 24/4/1999. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn, ông Nguyễn H trình bày:

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà T cũng nhiều lần gây chuyện, chửi ông và còn xúi giục con đánh ông. Lần trước bà T làm đơn ly hôn, ông cũng có ký đơn, sau đó bà T rút đơn lại. Hai năm nay bà T không cho ông quan hệ vợ chồng với lý do bị bệnh, ông cũng không nói gì. Lần này ông đánh bà T là do bức tức vì nghĩ đến chuyện trước đây bà T đã nộp đơn ly hôn với ông, làm cho ông buồn nên đánh bà T. Ông cũng thấy mình sai và cũng đã xin lỗi nhưng bà T không chịu bỏ qua, cương quyết xin ly hôn. Ông cũng biết không thể sống chung được nữa nhưng bà T muốn ly hôn thì tùy bà T, ông không đồng ý ly hôn. Ông muốn bà T về nhà để các con có chỗ về, bản thân ông sẽ đi chỗ khác sống vì biết không thể sống chung.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung tên Nguyễn Hữu Tuấn, sinh ngày 3/6/1992 và Nguyễn Thị Lan Trinh, sinh ngày 24/4/1999. Hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Mộng T trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà ly hôn với ông H vì không còn tình cảm, ông H chỉ hứa hẹn chứ không thay đổi mặc dù bà đã cho cơ hội rất nhiều lần. Từ trước đến nay bà một mình lo toan trong ngoài nên rất mệt mỏi, không chịu đựng được nữa, việc tiếp tục sống chung chỉ thêm áp lực nặng nề, mâu thuẫn cũng sẽ tiếp diễn như cũ.

Ông Nguyễn H trình bày: Ông không đồng ý ly hôn, nếu bà T muốn ly hôn thì cứ ly hôn nhưng ông mong bà T quay trở về nhà ở, bản thân ông sẽ tìm chỗ khác ở. Mâu thuẫn là do từ cả hai phía, bà T có hành vi kích động, xúi giục con cái chống

đôi ông. Ngoài ra, ông còn phát hiện bà T đi đến khách sạn nên ông mới nghi ngờ bà T có người khác. Năm 2019 ông đã đồng ý ký đơn ly hôn nhưng bà T tự ý rút đơn nên sự việc mới kéo dài đến ngày hôm nay, làm ông bức xúc không kiềm chế được và có đánh bà T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ chứng nhận kết hôn số 59/P11 ngày 23/11/1994 thì quan hệ hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Qua lời khai của bà T, ông H, biên bản xác minh sự việc của Công an phường B thì hai bên thừa nhận có mâu thuẫn. Năm 2019 có nộp đơn ly hôn, sau đó bà T rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, hai năm nay cả hai không quan hệ vợ chồng. Ngày 19/7/2025, ông H có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến gây thương tích cho bà T. Bà T cương quyết yêu cầu ly hôn. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung, hai con đã thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung, cả hai khai không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn – bà Võ Thị Mộng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn H. Đây là quan hệ “tranh chấp về ly hôn”. Ông H có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

[1.3] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa: Do Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mộng T: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 193/TLKH-BS ngày 12/5/2025, của Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/P.11 do UBND quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/1994 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào trình bày của bà T thì quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, ông H hay uống rượu về kiểm chuyện chửi mắng vợ con, có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh bà T. Năm 2019 bà có nộp đơn ly hôn với ông H nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Ông H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, bà T hay gây chuyện chửi và xúi giục con đánh ông.

Căn cứ vào biên bản làm việc giải quyết mâu thuẫn gia đình tại địa chỉ số 83/26 C, phường B (trước đây là Phường Y, quận U), Thành phố Hồ Chí Minh do Công an phường B lập ngày 21/7/2025, ý kiến của khu phố trưởng, căn cứ trình bày của bà T, thì nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn trong quá trình sinh sống vợ chồng, ông H nghi ngờ bà T ngoại tình, cùng với việc thường xuyên uống bia rượu say nên xảy ra việc đánh đập bà T. Ông H cũng xác nhận việc bạo hành, gây thương tích ở vùng mặt, đầu cho bà T. Căn cứ đơn thuốc ngày 21/7/2025 của Bệnh viện Thống Nhất chẩn đoán thì bà T bị tổn thương nông và nhiều ở đầu. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ngoài ra, việc vợ chồng thường xuyên chửi mắng, xúc phạm, nghi ngờ nhau đã vi phạm nghĩa vụ “giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau” được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong thời gian cả hai sống ly thân, ông H vẫn tiếp tục nghi ngờ, tìm đến nơi bà T làm việc có những lời nói ghen tuông, xúc phạm bà T. Mặt khác, ông H tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận là không thể tiếp tục sống chung với bà T được nữa, bà T có về nhà ở thì ông cũng ra sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 3/6/1992 và Nguyễn Thị Lan T2, sinh ngày 24/4/1999. Hai con chung đã thành niên, bà T và ông H không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H khai không có nợ chung.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080860 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 21, 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Võ Thị Mộng T:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn H.

1.2 Về con chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 3/6/1992 và Nguyễn Thị Lan T2, sinh ngày 24/4/1999. Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Bà Võ Thị Mộng T và ông Nguyễn H không có nợ chung nên không xem xét.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Võ Thị Mộng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080860 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND khu vực 4;
- THA DS TP.HCM;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Trương Lê Diễm Thúy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA